

ĐỔI MỚI CĂN BẢN VÀ TOÀN DIỆN: GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI VỀ CHẤT CỦA GIÁO DỤC VIỆT NAM

TSKH. PHẠM ĐỖ NHẬT TIẾN

1. Bài toán đổi mới trong phát triển giáo dục

Đại hội Đảng lần thứ VI đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của giáo dục nước ta: thời kỳ đổi mới giáo dục theo đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế-xã hội do Đảng khởi xướng và lãnh đạo. Đặc trưng cơ bản của đổi mới giáo dục là chuyển từ nền giáo dục phục vụ kinh tế kế hoạch hoá sang nền giáo dục vận hành trong điều kiện kinh tế thị trường, trên cơ sở bảo đảm bản chất xã hội chủ nghĩa của giáo dục nước nhà. Đây là mô hình giáo dục chưa từng có trong lịch sử. Nó không được thiết kế và triển khai từ sách vở. Đó là quá trình tìm tòi, thử nghiệm và sáng tạo bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, từ quần chúng, từ thực tế và là quá trình do Đảng lãnh đạo.

Quá trình tìm tòi này được thực hiện bằng những bước đi thận trọng và được cụ thể hoá bằng các quan điểm chỉ đạo của Đảng trong từng giai đoạn phát triển của giáo dục suốt 25 năm qua. Đến nay, giáo dục nước nhà đã có bước phát triển mới và đã có những đóng góp đáng kể trong việc làm thay đổi diện mạo chung của đất nước. Tuy nhiên, cũng như kinh tế, các thành tựu cơ bản của giáo dục trong thời gian qua *chủ yếu là sự phát triển theo chiều rộng*. Các yếu kém về chất lượng và hiệu quả, về cơ cấu phát triển, về công bằng xã hội đã tích tụ lại trong một quá trình phát triển thiên về số lượng đang đặt giáo dục trước những thách thức gay gắt nhằm đáp ứng có hiệu quả hơn nhu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu nhân lực của doanh nghiệp và đòi hỏi về nhân tài của đất nước.

Nguyên nhân cơ bản của những yếu kém trên là do thiếu một tầm nhìn tổng thể, thiếu một kế hoạch đồng bộ, dẫn đến cách đổi mới chắp vá như Đại hội X của Đảng đã chỉ ra.

Vì thế, Đại hội XI của Đảng đã đề ra một yêu cầu mới. Đó là *đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân*.

Căn cứ theo tinh thần Đại hội XI của Đảng, có thể thấy việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau đây:

- Khắc phục cách đổi mới chắp vá trong tiến trình đổi mới giáo dục vừa qua;
- Thực hiện một trong các đột phá chiến lược là phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là

nguồn nhân lực chất lượng cao;

- Phù hợp với yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế;
- Đáp ứng yêu cầu gắn liền phát triển nhanh với phát triển bền vững;
- Đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở các yêu cầu nói trên, vấn đề đặt ra là làm rõ nội dung của việc đổi mới căn bản và toàn diện của giáo dục nước ta trong giai đoạn phát triển hiện nay.

2. Mô hình hệ thống học suốt đời

Trước hết, việc *đổi mới căn bản bất kỳ nền giáo dục nào cũng có nghĩa là chuyển mô hình phát triển giáo dục hiện có sang mô hình phát triển giáo dục mới*, tức là chuyển sang giai đoạn phát triển mới về chất của giáo dục

Trong 25 năm đổi mới vừa qua, mô hình giáo dục nước ta đã từng bước được hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của giáo dục trong bước chuyển của đất nước sang kinh tế thị trường định hướng XHCN. Với việc đổi mới hệ thống giáo dục quốc dân, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, đổi mới quản lý trường học, đến nay về cơ bản mô hình giáo dục nước ta đã tương thích với mô hình giáo dục ở các nước phát triển trên thế giới.

Đó là mô hình giáo dục được hình thành, củng cố và phát triển cùng với bước tiến của nền văn minh công nghiệp. Trong mô hình này, từ việc tổ chức trường lớp, chương trình giáo dục, phương pháp dạy và học, đến công tác quản lý đều mang dấu ấn của tư duy và phương pháp sản xuất công nghiệp.

Tuy nhiên, như người ta nói, con đường cũ của kỉ nguyên công nghiệp đã chấm dứt cùng với thế kỉ 20. Bước sang thế kỉ 21, để có thể thành công trong nền văn minh trí tuệ cùng với tiến trình toàn cầu hoá và cách mạng công nghệ thông tin-truyền thông (ICT), cần những quan niệm mới, tiếp cận mới, định chế mới trong hầu hết mọi lĩnh vực. Giáo dục, với tư cách là một hòn đá tảng của nền văn minh trí tuệ, sẽ có những biến đổi sâu sắc. Mô hình giáo dục truyền thống, vốn thành công trong nền văn minh công nghiệp, đang được xem xét lại, thậm chí phủ định để tái tạo.

Một số mô hình giáo dục mới đã được đề xuất. Đó là mô hình học suốt đời (HSD), mô hình giáo dục mở, mô hình giáo dục cá biệt hóa, mô hình công nghiệp giáo dục, mô hình không gian giáo dục chung, mô hình nhà trường điện tử.

Trong các mô hình nói trên, mô hình HSD đang là xu thế chung trong bước chuyển về giáo dục ở nhiều nước trên thế giới. Bởi mô hình này là sự cụ thể hóa các yêu cầu về học để làm người, học để biết, học để hành, học để chung sống, trong bối cảnh giáo dục phải thay đổi mạnh mẽ để thích ứng với các cơ hội mới và thách thức mới của một thế giới biến động nhanh chóng và khó lường dưới tác động của toàn cầu hóa, kinh tế tri thức và cách mạng ICT. Mô hình này đòi hỏi thay thế hệ thống giáo dục quốc dân truyền thống bằng hệ thống HSD.

HSD là hệ thống giáo dục trong đó chủ trương/tư tưởng HSD trở thành hiện thực. Ở đây, HSD được hiểu là việc học từ ấu thơ đến sau nghỉ hưu nhằm đáp ứng các yêu cầu đa dạng của người học trong nền kinh tế tri thức toàn cầu; bao gồm học chính quy, không chính quy và phi chính quy; đòi hỏi tinh thần tham gia dân chủ và ý thức trách nhiệm của cá nhân, xã hội dân sự và khu vực sử dụng lao động.

Như thế, hệ thống HSD đòi hỏi mở rộng cả thời gian giáo dục lẫn không gian giáo dục. Nó không chỉ giới hạn trong giáo dục nhà trường, chính quy hay không chính quy, mà còn là giáo dục tại gia đình, tại nơi làm việc, bảo tàng, rạp hát, khi xem phim, lúc đọc báo, đi du lịch, v.v... Mục tiêu giáo dục cũng không chỉ hướng tới các mục tiêu nhân lực và kinh tế, *học để biết, học để hành*, tìm và tạo việc làm mà còn đáp ứng các nhu cầu nhân văn và văn hóa-xã hội, *học để làm người, học để chung sống*, trong một thế giới toàn cầu đang phẳng hóa.

Hệ thống HSD đang là cái đích đi tới của mọi nền giáo dục trên thế giới. Hiện vẫn chưa có các chỉ báo định lượng để cho biết vị trí của mỗi nước trên hành trình này. Tuy nhiên, ở các nước phát triển và nhiều nước trong khu vực, bước đi quan trọng đầu tiên là cơ sở lý luận và nền tảng pháp lý đã được thiết lập. Việc tổ chức thực hiện cũng đang được triển khai từ việc tái cơ cấu hệ thống giáo dục, xây dựng mới các chương trình giáo dục, hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng, đến việc đổi mới công tác quản trị.

Việt Nam đang ở đâu trên hành trình này? Mặc dù đã nói rất nhiều về HSD, nhưng chúng ta vẫn đang dậm chân trong mô hình truyền thống cả về cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn. Vì những rào cản trong nhận thức cũng như trong tổ chức thực hiện (Phạm 2009) nên bức tranh chung vẫn chỉ là

sự gá lắp của phân hệ giáo dục thường xuyên bên cạnh phân hệ giáo dục chính quy để tạo thành hệ thống giáo dục Việt Nam theo luật định. Tính ứng thí cùng với cách dạy, cách học nhồi nhét và cung cách quản lý quan liêu có sức sống mãnh liệt, bám rễ trong toàn hệ thống, dù là giáo dục chính quy hay thường xuyên. HSD chỉ là mong muốn trên ngôn từ, còn học để lấy văn bằng, học một lần trên ghế nhà trường để sử dụng cho cả cuộc đời vẫn là cái ruột của giáo dục nước ta hiện nay.

3. Yêu cầu cấp thiết chuyển hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay sang hệ thống HSD

Yêu cầu này có thể nhìn nhận từ nhiều góc độ. Trước hết là xu thế vận động của giáo dục thế giới. Năm 1996, cùng với việc xuất bản Báo cáo Delors dưới tiêu đề "Giáo dục: một kho báu tiềm ẩn", Hội đồng Châu Âu phát động "Năm HSD của Châu Âu" nhằm nâng cao nhận thức chung về tầm quan trọng của HSD, thúc đẩy sự gắn kết giáo dục và đào tạo với cộng đồng doanh nghiệp, góp phần xây dựng không gian giáo dục chung Châu Âu. Từ đó, các hệ thống giáo dục Châu Âu được tái cơ cấu để chuyển sang hệ thống HSD. Ngày nay, có cả một hệ thống các chỉ số HSD được xây dựng và công bố từ năm 2010 để cho thấy bước tiến và tương quan so sánh của từng nước Châu Âu trong việc xây dựng hệ thống HSD (Bryony, Fernando và Ulrich 2010).

Ở các nước trong khu vực thì Nhật Bản đã thực thi Luật Khuyến khích HSD từ năm 1990, coi việc chuyển sang xã hội HSD là một trong những quan điểm cơ bản tạo nên triết lý phát triển của giáo dục Nhật Bản (Anthony 2010); Hàn Quốc ban hành Luật HSD vào năm 1999, tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng một xã hội của giáo dục mở và suốt đời (Ủy ban cải cách giáo dục 2006); Thái Lan đã đưa khái niệm HSD thành tư tưởng chủ đạo xuyên suốt nội dung của Luật Giáo dục quốc gia 1999, lồng ghép chủ trương xây dựng xã hội học tập vào các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội (Sawat 2003); Trung Quốc cũng đang xúc tiến xây dựng Luật HSD với định hướng đến năm 2020 đạt mục tiêu cơ bản hiện đại hóa giáo dục, hình thành xã hội học tập, chuyển đất nước thành quốc gia giàu về nhân lực (Xianjin 2009).

Ngoài yêu cầu do xu thế có tính thời đại nêu trên, vấn đề quyết định chính là các yêu cầu đặc trưng về phát triển kinh tế-xã hội nước ta trong giai đoạn mới. Đó là các yêu cầu về phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và về gắn liền phát triển nhanh với phát triển bền vững.

Khác với các nước phát triển đang đứng trước thách thức của cơ cấu dân số già, Việt Nam đang

đứng trước cơ hội của *thời kì cơ cấu dân số vàng*, tức là cứ hai người trong độ tuổi lao động thì chỉ có một người phụ thuộc. Thời kì này kéo dài khoảng 30 năm, đem lại cho nước ta cơ hội lớn để phát triển vượt bậc nhờ nguồn lao động dồi dào. Việc chuyển cơ hội này thành hiện thực phụ thuộc trước hết vào chất lượng nguồn lao động. Tuy nhiên, nếu lấy trình độ chuyên môn kĩ thuật làm chỉ số phản ánh chất lượng nguồn lao động thì kết quả điều tra dân số năm 2009 cho ta thấy một thách thức lớn đang được đặt ra: số người 15 tuổi trở lên chưa được đào tạo chuyên môn kĩ thuật của cả nước vẫn chiếm một tỉ lệ cao là 86, 6%, tức là khoảng 55,6 triệu người (Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương 2009). Điều đó đặt giáo dục trước *bài toán quen thuộc về quy mô-chất lượng*, nhưng ở mức độ phức tạp hơn trước rất nhiều để làm sao tận dụng được thời kì “*cơ cấu dân số vàng*” cho quá trình phát triển đất nước. Mới đây, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực thời kì 2011-2020 chính là để khắc phục tình trạng bất cập về chất lượng này, nhằm “*đưa nhân lực Việt Nam trở thành nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước*” (Thủ tướng Chính phủ 2011). Một trong các mục tiêu cụ thể của Chiến lược là *xây dựng xã hội học tập*, bảo đảm cho tất cả các công dân Việt Nam có cơ hội bình đẳng trong học tập, đào tạo. Điều đó có nghĩa là chúng ta phải xây dựng hệ thống HSĐ, để bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu học tập chính quy của khoảng 22 triệu học sinh, sinh viên hiện có, còn phải đáp ứng yêu cầu được đào tạo theo mọi phương thức của 55, 6 triệu người chưa được đào tạo về chuyên môn kĩ thuật kể trên.

Bước vào giai đoạn phát triển mới, cùng với việc phát huy lợi thế cơ cấu dân số vàng, Việt Nam đứng trước yêu cầu thay đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 yêu cầu: “*Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lí giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững*” (ĐCSVN 2011: 107). Như thế Việt Nam đang từ bỏ dần lợi thế lao động giá rẻ để phát huy dần lợi thế nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kĩ thuật. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, *trở thành một đột phá chiến lược*. Điều đó đòi hỏi có sự thay đổi tương ứng của mô hình phát triển giáo dục. Mô hình truyền thống, vốn đã phát huy tác dụng tích cực trong giai đoạn vừa qua tương ứng với mô hình tăng trưởng kinh tế theo

chiều rộng, lại đang thực sự trở thành trở lực cho phát triển trong giai đoạn mới¹ và cần được thay thế bởi mô hình HSĐ. Muốn vậy, các rào cản như đã được phân tích trước đây (Phạm 2009) cần được phân tích thấu đáo để có giải pháp vượt qua.

Một trong những quan điểm chỉ đạo của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 là “*Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược*” (ĐCSVN 2011: 98). Theo cách hiểu của UNESCO và cũng là cách hiểu của Việt Nam², phát triển bền vững phải được mô tả theo ba chiều đo có quan hệ tương tác với nhau theo thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) và không gian (địa phương, khu vực, toàn cầu). Thứ nhất là sự phát triển *xã hội* bền vững, hướng tới gắn kết cộng đồng, công bằng xã hội. Thứ hai là sự phát triển *môi trường* bền vững, tập trung vào phát triển các hệ sinh thái tự nhiên để duy trì năng lực nuôi dưỡng của Trái đất. Cuối cùng là phát triển *kinh tế* bền vững, tập trung vào việc hoàn thiện hạ tầng kinh tế với các nguồn lực tự nhiên và con người của nó. Giáo dục đóng *vai trò nền tảng* để đưa sự vận động của thế giới ngày nay và của từng quốc gia vào quỹ đạo của phát triển bền vững theo cả 3 chiều đo nói trên. Ngoài bốn cột đỡ đã từng được nói đến là học để biết, học để hành, học để làm người, học để chung sống, giáo dục vì sự phát triển bền vững đòi hỏi một cột đỡ thứ năm là *học để thay đổi bản thân và xã hội* (UNESCO 2009: 26). Điều đó càng khẳng định yêu cầu cấp thiết phải chuyển sang hệ thống HSĐ với mọi phương thức chính quy, không chính quy, phi chính quy, học mọi lúc, học mọi nơi để không ngừng hoàn thiện bản thân và xã hội, phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội, môi trường và kinh tế.

(Còn nữa)

SUMMARY

For the radical and comprehensive change of the education the author believes that the current education system shall be moved towards lifelong learning system. This is the international trend and will be a substantial development of Vietnam's education.

¹ Trong Báo cáo cạnh tranh toàn cầu từ 2007 đến nay, tình trạng yếu kém trong đào tạo nguồn nhân lực luôn được cảnh báo là một trong những rào cản đáng quan tâm nhất đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

² Xem “*Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam*”, ban hành kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.